

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17-9-2025
“*V/v ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Hồng Cẩm.

Bà Vũ Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Từ Thanh C, sinh ngày 10/5/1975 (có mặt).

Số CCCD: 096075012533; ngày cấp: 16/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: Khóm T, phường L, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm T, phường L, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 7 năm 2025 và tại phiên toà nguyên đơn ông Từ Thanh C trình bày: Ông và bà Trần Thị Q tự nguyện kết hôn vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, Giấy chứng nhận kết hôn số 129 quyển 01/2023 ngày 29 tháng 12 năm 2003. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn kinh tế trong gia đình, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Toà án

giải quyết cho ông ly hôn với bà Trần Thị Q. Trong quá trình chung sống ông và bà Q có hai người con chung tên Từ Thanh T, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2004 và Từ Gia H, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2008. Đối với Từ Thanh T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Từ Gia H, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2008, hiện đang chung sống với ông, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi Từ Gia Huy, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung vợ chồng tự thoả thuận, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn bà Trần Thị Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng bà Q vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Từ Thanh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Trần Thị Q, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị Q là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Trần Thị Q.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Từ Thanh C và bà Trần Thị Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 129 quyển 01/2003 ngày 29 tháng 12 năm 2003. Do đó, hôn nhân của Ông Từ Thanh C với bà Trần Thị Q là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Ông C yêu cầu giải quyết cho ly hôn với bà Trần Thị Q. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ bà Trần Thị Q nhiều lần để tham gia hoà giải và xét xử nhưng bà Q vắng mặt, không tham gia hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông Từ Thanh C. Ông Từ Thanh C cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính tình không hợp nhau; vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2023 đến nay; ông C xác định không còn tình cảm với bà Q. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa ông Từ Thanh C với bà Trần Thị Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Từ Thanh C về việc yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Q.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông Từ Thanh C với bà Trần Thị Q có hai người con chung tên Từ Thanh T, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2004 và Từ Gia H, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2008. Đối với Từ

Thanh T đã thành niên và có đầy đủ khả năng để lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét. Đối với Từ Gia H, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2008, hiện đang chung sống với ông C, ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi người con chung tên Từ Gia H. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho bà Trần Thị Q nhưng bà Q không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con chung của ông C. Xét thấy, từ khi ông Từ Thanh C và bà Trần Thị Q không còn chung sống đến nay con chung do ông C trực tiếp nuôi dưỡng, người con chung tên Từ Gia H có nguyện vọng được chung sống với ông C thể hiện tại bản tự khai ngày 29 tháng 8 năm 2025; để đảm bảo quyền lợi và sự ổn định của con chung nên Hội đồng xét xử giao người con chung tên Từ Gia H, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2008 cho ông Từ Thanh C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Ông Từ Thanh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung ông Từ Thanh C và bà Trần Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Từ Thanh C phải chịu 300.000đ, ông Từ Thanh C đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Từ Thanh C và bà Trần Thị Q.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Từ Gia H, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2008 cho ông Từ Thanh C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Từ Thanh C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0011657 ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau; ông Từ Thanh C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, ông Từ Thanh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Q có quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 1 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- UBND phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều